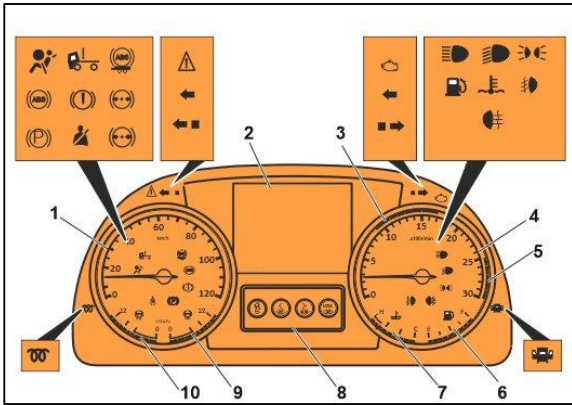




Cụm đồng hồ, mô tả bộ phận
Cụm đồng hồ
Tổng quan



1. Đồng hồ tốc độ
2. Màn hình hiển thị điều khiển
3. Đèn báo vùng màu xanh lá cây
4. Đồng hồ đo vòng tua máy
5. Đèn báo vùng màu đỏ
6. Đồng hồ đo mức nhiên liệu
7. Đồng hồ đo nhiệt độ chất làm mát
8. Nút điều hướng màn hình hiển thị điều khiển
9. Đồng hồ đo áp suất khí hệ thống phanh sau
10. Đồng hồ đo áp suất khí hệ thống phanh trước

Mô tả

Cụm đồng hồ là một đơn vị hiển thị và được kết nối với các đơn vị điều khiển như EMS (Hệ thống quản lý động cơ), IECU (Bộ điều khiển điện tử tích hợp), ACM (Mô-đun điều khiển xử lý sau), ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh) và TGW (Công giao tiếp viên thông) thông qua CAN (Mạng khu vực điều khiển). Cụm đồng hồ cung cấp thông tin cho người dùng với sự trợ giúp của đồng hồ đo, đèn báo, thông báo trên xe và menu hiển thị.

Đồng hồ tốc độ

Đồng hồ tốc độ hiển thị tốc độ của xe tính bằng kilomet/giờ. Phạm vi đo của đồng hồ tốc độ là từ 0 – 120 km/giờ.

Màn hình hiển thị điều khiển

Màn hình hiển thị nằm ở giữa cụm đồng hồ. Màn hình có thể được sử dụng để xem thông báo của xe, điều khiển một số chức năng trên xe tải và xem thông tin về xe tải, chẳng hạn như nhiệt độ, mức độ và khoảng cách. Các thông báo quan trọng hơn được ưu tiên.

Các thông báo cảnh báo hiển thị trên cụm đồng hồ với ba màu, đó là;












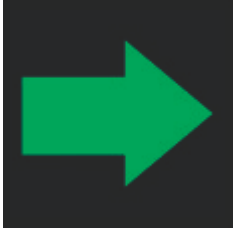
- Biểu tượng màu đỏ (i) bên trong tam giác màu đỏ – Dừng
- Biểu tượng màu vàng (i) bên trong tam giác màu vàng – Kiểm tra
- Biểu tượng màu trắng (i) bên trong tam giác màu trắng – thông tin
-

Các biểu tượng cảnh báo/chỉ báo hiển thị trên cụm đồng hồ như sau:

Biểu tượng cảnh báo/chỉ báo	Mô tả	Biểu tượng cảnh báo/chỉ báo	Mô tả
	Chỉ báo túi khí		Mức nhiên liệu thấp


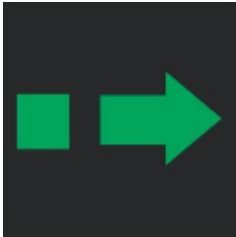



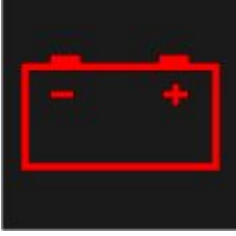




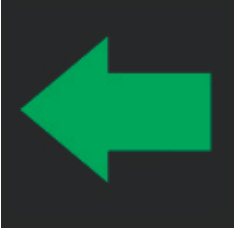



UD TRUCKS

	Khoá nghiêng/lật cabin mở		Nhiệt độ nước làm mát cao
	Lỗi phanh tay rơ moóc		Đèn sương mù trước BẬT
	Lỗi ABS đầu kéo		Đèn sương mù sau BẬT
	Áp suất khí nén phanh sau – thấp/cao		Cửa mở
	Áp suất khí nén phanh trước – thấp/cao		Đèn chỉ báo lỗi OBD
	Nhắc nhở đai an toàn		Chỉ báo rẽ phải

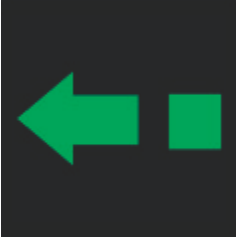
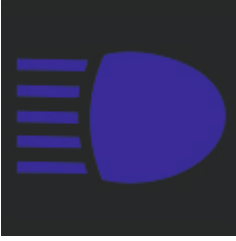










UD TRUCKS













	Cảnh báo phanh đỗ		Chi báo rẽ phải ro móc
	Lỗi phanh		Áp suất nhớt thấp
	Kích hoạt sấy nóng trước hoặc lỗi		Bình ắc quy không sạc
	DỪNG		Đèn báo Adblue
	KIỂM TRA		Dây số tăng thấp/chậm
	Đèn chi báo rẽ trái		Dây số tăng cao/nhanh



UD TRUCKS








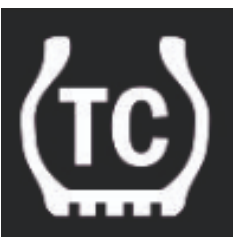


	Chỉ báo rẽ trái rơ moóc		Kích hoạt bộ phanh hãm (Retarder)
	Đèn pha (chiếu xa)		Kích hoạt phanh tay rơ moóc
	Đèn cos (chiếu gần)		Vượt quá giới hạn tốc độ đường bộ
	Đèn vị trí		Quá nhiệt hộp số
	Chỉ báo mòn má phanh		Hộp số quá nhiệt, dừng xe
	PTO		Ức chế (hạn chế) sang số hộp số



	Trạng thái chế độ O/D		Có nước trong nhiên liệu
	Lọc nhiên liệu bị nghẹt		Hạn chế bộ lọc gió
	Nhắc dịch vụ bảo dưỡng dành cho hộp số		Bảo dưỡng
	Tin nhắn đang chờ		Quá trình tái tạo đang diễn ra
	OBD Adblue		Chất lượng Adblue thấp
	Mức adblue thấp		Nhiệt độ nhớt động cơ ở mức trung bình



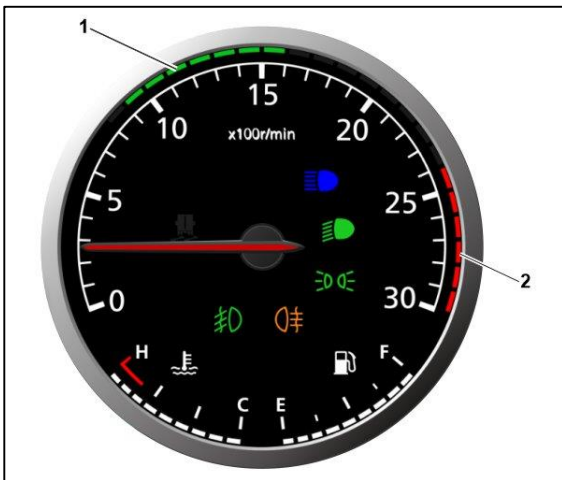
UD TRUCKS

	Mức nhớt động cơ thấp		Nhiệt độ nhớt động cơ ở mức nghiêm trọng
	Lỗi khí thải ở mức trung bình		Lỗi khí thải nghiêm trọng
	Nhớt hộp số ở mức trung bình		Nhớt hộp số ở mức nghiêm trọng
	Mức chuyên chở đạt được		
	ATC (Kiểm soát lực kéo tự động) được kích hoạt		ATC (Kiểm soát lực kéo tự động) đã bị vô hiệu hóa
	Kích hoạt HSA		

Một số chỉ báo không áp dụng cho mẫu xe này nhưng vẫn có trên cụm đồng hồ.



Đồng hồ đo tốc độ động cơ



- 1. Vùng xanh
- 2. Vùng đỏ

Biển thể	Vùng xanh	Vùng đỏ
GH8E,Euro III	900 - 1600 rpm	2400 - 3000 rpm (*Dải vùng đỏ chỉ thay đổi thành 2700-3000 vòng/phút khi người lái yêu cầu sử dụng phanh phụ từ công tắc cần gạt)
GH8E,Euro-V	900 - 1700 rpm	2400 - 3000 rpm (*Dải vùng đỏ chỉ thay đổi thành 2700-3000 vòng/phút khi người lái yêu cầu sử dụng phanh phụ từ công tắc cần gạt)
GH11E, Euro III	900 - 1400 rpm	2200 - 3000 rpm
GH11E,Euro V	900 - 1500 rpm	2300 - 3000 rpm

Máy đo tốc độ cho biết tốc độ động cơ theo vòng quay mỗi phút. Vùng màu xanh lá cây (1) biểu thị lái xe tiết kiệm và vùng màu đỏ (2) biểu thị phạm vi tốc độ động cơ nghiêm trọng.

Cần trọng: Luôn giữ chỉ báo ở dưới vùng đỏ nghiêm trọng

Đồng hồ đo nhiệt độ chất làm mát



- 1. Đồng hồ nhiệt độ chất làm mát

Đồng hồ đo nhiệt độ chất làm mát động cơ nằm trong cụm đồng hồ. Nó có đèn báo cảnh báo được đánh dấu là “H” và được kích hoạt khi nhiệt độ chất làm mát cao.



Màn hình cụm đồng hồ

Màn hình nằm ở giữa cụm đồng hồ. Màn hình được sử dụng để xem tin nhắn của xe, điều khiển một số chức năng trên xe tải và xem thông tin về xe tải, như nhiệt độ, mức và khoảng cách.

Có bốn phím chức năng (nút nhấn) trong cụm đồng hồ, giúp người lái xe thay đổi menu hiển thị.



- 1. Màn hình hiển thị thiết bị
- 2. Nút Home
- 3. Nút lên
- 4. Nút xuống
- 5. Nút Menu chính/OK

Menu chức năng khi lái xe

Có 4 menu chính:

- 1. Menu huấn luyện lái xe
- 2. Giám sát
- 3. Bảo dưỡng
- 4. Cài đặt

01. Menu huấn luyện lái xe			
01. Động cơ và số	01. Escot Eco		
	02. Escot M		
	03. Escot Eco TẮT		
	04. Số cao nhất		
	05. Trong phạm vi tiết kiệm		
	06. Trên phạm vi tiết kiệm		
	07. Quá tốc độ		
	08. Tải động cơ		
02. Tốc độ	01. Quá tốc độ đội xe		
	02. Kiểm soát hành trình		
03. Dự đoán	01. Xuống dốc		
	02. Bộ đếm phanh		
04. Đứng yên	01. Tốc độ cầm chừng		
05. Thông báo Deco	01. Thông báo Deco (Bật/tắt)	Thông báo Deco Bật/tắt	
06. Chiều sáng Deco	01. Chiều sáng Deco (Bật/tắt)	Chiều sáng Deco Bật/tắt	
07. Âm thanh thông báo Deco	01. Thông báo Deco (Bật/tắt)		
08. Thiết lập lại huấn luyện nhiên liệu	01. Thiết lập lại huấn luyện lái xe? (Yes/No)	Thiết lập lại dữ liệu huấn luyện nhiên liệu thành công	

02. Giám sát			
01. Dữ liệu nhiên liệu	01. Nhiên liệu tức thời	Nhiên liệu tức thời (--L/h)	
	02. Khoảng cách đến khi cạn bình	Khoảng cách đến khi cạn bình (--km)	
	03. Nhiên liệu chặng	Nhiên liệu chặng (--L)	
	04. Nhiên liệu trung bình	Nhiên liệu trung bình (--L/100km hoặc --km/L)	
	05. Thiết lập lại dữ liệu nhiên liệu	Thiết lập lại dữ liệu nhiên liệu? (Yes/No)	Thiết lập lại dữ liệu



			nhiên liệu thành công/ thất bại
02. Huấn luyện nhiên liệu	01. Chế độ 1	MODE1 Đã chọn thiết lập lại dữ liệu nhiên liệu	Dữ liệu huấn luyện nhiên liệu đã cập nhật
	02. Chế độ 2	MOD2 Đã chọn thiết lập lại dữ liệu nhiên liệu	Dữ liệu huấn luyện nhiên liệu đã cập nhật
	03. Chế độ 3	MOD3 Đã chọn thiết lập lại dữ liệu nhiên liệu	Dữ liệu huấn luyện nhiên liệu đã cập nhật
03. Máy tính hành trình	01. Khoảng cách hành trình	Khoảng cách hành trình (hành trình A-0.6km) (hành trình B-0.6km)	
	02. Tốc độ trung bình hành trình	Khoảng cách hành trình (hành trình A-20km) (hành trình B-23km)	
	03. Thiết lập lại dữ liệu hành trình A	Thiết lập lại dữ liệu hành trình A (Yes/No)	Thiết lập lại dữ liệu hành trình A thành công
	03. Thiết lập lại dữ liệu hành trình B	Thiết lập lại dữ liệu hành trình B (Yes/No)	Thiết lập lại dữ liệu hành trình B thành công
04. Tin nhắn phương tiện	01. DỪNG XE	Dừng xe	
	02. Không thể kiểm soát mức độ		

03. Bảo dưỡng						
01. Chẩn đoán	01. Tự kiểm tra	01. Kiểm tra chỉ báo tín hiệu				
		02. Kiểm tra đồng hồ đo				
		03. Kiểm tra hiển thị				
		04. Kiểm tra âm thanh				
	02. Mã số bộ phận	01. IECU	IECU Part Number HARDWARE PART No. XXXXXXXXXXXX SOFTWARE PART No. XXXXXXXXXXXX			
		02. EMS	EMS Part Number HARDWARE PART No. XXXXXXXXXXXX SOFTWARE PART No. XXXXXXXXXXXX			
		03. IC	IC Part Number HARDWARE PART No. XXXXXXXXXXXX SOFTWARE PART No. XXXXXXXXXXXX			
	03. Mã số VIN	VIN Number XXXXXX				
	04. Lỗi xe	01. Đọc Lỗi	01. IECU	ECU ECU FAULTS (U0CCC CC Inactive)	Bộ đếm sự xuất hiện xảy ra Sự kiện cuối cùng	
			02. EMS	EMS FAULTS (C1006 38 Active)	Bộ đếm sự xuất hiện xảy ra Sự kiện cuối cùng	
			03. IC	IC FAULTS	Bộ đếm sự	



				(B1004 1E Inactive)	xuất hiện xảy ra Sự kiện cuối cùng
	05. Thiết lập thông số	01. IECU	Thông số IECU P1G51 P1G59	Thông số IECU 0	Thiết lập thông số IECU 01 Phạm vi(0-3)
		01. IC	Thông số IC P1G58 P1G6M	Thông số IC Disable	
02. Xem dữ liệu	Cảnh báo giờ động cơ 4674 giờ				
03. Thiết lập lại dữ liệu	Cảnh báo khoảng cách 00000000 km Cảnh báo trước khoảng cách 00000000 km	Cảnh báo giờ động cơ 000000000.0 h Cảnh báo trước giờ động cơ 000000000.0 h	Ngày Cảnh báo 27/11/2021 Ngày Cảnh báo trước 27/10/2021	Để Xác nhận Đặt lại Dữ liệu Nhấn phím Enter Để Hủy Nhấn Phím Esc	
04. Kể từ lần dịch vụ cuối cùng	Kể từ lần bảo dưỡng cuối cùng <0,00 giờ> Khoảng cách xe < 1,00 km> Ngày theo lịch < 4970 ngày>				



04. Thiết lập			
01. Thời gian và ngày	01. Đặt thời gian	SET TIME<00.00>	
	02. Đặt ngày	SET DATE<11/11/2021>	
	03. Định dạng đặt thời gian	TIME FORMAT <12H/24H>	
	04. Định dạng đặt ngày	Date Format YYYY/MM/DD DD/MM/YYYY MM/DD/YYYY	
02. Ngôn ngữ	01. Tiếng Anh		
	02. Tiếng Tây Ban Nha		
	03. Tiếng Bahasa		
	04. Tiếng Thái		
	05. Tiếng Ả rập		
03. Độ sáng			
04. Mật khẩu	01. Mật khẩu xưởng	Workshop PW 0000	
	02. Mật khẩu lái xe	Driver PW 0000	
	03. Đổi mật khẩu	01. Mật khẩu xưởng	Workshop PW Nhập mật khẩu cũ 0000 Nhập mật khẩu mới 0000
		02. Mật khẩu lái xe	Driver PW Nhập mật khẩu cũ 0000 Nhập mật khẩu mới 0000
05. Thiết lập đơn vị	01. Tiêu thụ nhiên liệu	Tiêu thụ nhiên liệu (L/100Km) (Km/L)	
	02. Khoảng cách	Khoảng cách Km Mile	
06. Nước trong nhiên liệu	Kích hoạt xả Yes No		
07. Thiết lập RSL	Thiết lập RSL 000 Phạm vi 0-120	Cập nhật thông số Chuyển chìa khóa TẮT sang BẬT	